xī shuài cǎo

蟋蟀草

noun · cricket grass (a type of plant)

Example Sentences

xī shuài cǎo zhǎng zài lù biān
蟋 蟀 草 长 在路 边 。

Cricket grass grows by the roadside.

zhè zhǒng xī shuài cǎo kě yǐ yòng lái wèi jī
这 种 蟋 蟀 草可以 用 来喂鸡。

This type of cricket grass can be used to feed chickens.

nóng mín zài tián biān fā xiàn le xǔ duō xī shuài cǎo
农 民在田 边发 现 了许 多 蟋 蟀 草。

The farmer found a lot of cricket grass by the field edge.

Trace each character, then write the word on your own.